

CÂU TRẦN THUẬT

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Hiểu rõ đặc điểm hình thức của câu trần thuật. Phân biệt câu trần thuật với các kiểu câu khác.

– Nắm vững chức năng của câu trần thuật. Biết sử dụng câu trần thuật phù hợp với tình huống giao tiếp.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trong các tài liệu chuyên môn về ngôn ngữ học, câu trần thuật thường được coi là kiểu câu không đánh dấu. Trong SGK thì có thể giải thích một cách đơn giản đó là kiểu câu không có đặc điểm hình thức của những kiểu câu khác (câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán). Câu trần thuật có chức năng chính là dùng để kể, thông báo, nhận định, miêu tả,... Ngoài những chức năng chính đó, câu trần thuật còn dùng để yêu cầu, đề nghị hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

Đây là kiểu câu cơ bản được dùng phổ biến nhất trong giao tiếp.

Trong các ngôn ngữ biến hình như tiếng Anh, câu trần thuật có động từ ở hình thái thức trần thuật và chủ ngữ đứng trước động từ làm vị ngữ.

2. Trong câu trần thuật có một nhóm cần lưu ý riêng, đó là những câu biểu thị một hành động được thực hiện bằng chính việc phát ra câu đó. Với những câu này, người nói (người viết) thực hiện nhiều mục đích khác nhau.

Cảm ơn : *(Em) xin cảm ơn cô.*

Mời : *(Cháu) mời bà xơi cơm ạ.*

Chúc mừng : *(Anh) xin chúc mừng em.*

Hứa : *(Tôi) xin hứa với anh là ngày mai tôi đến sớm.*

Bảo đảm : *(Tôi) xin bảo đảm đây là hàng thật.*

Hỏi : *Minh hỏi cậu hút thuốc lá có lợi ở chỗ nào.*

Chủ ngữ đặt trong dấu ngoặc đơn có nghĩa là có thể dùng hoặc không. Dù không dùng thì ta cũng biết chủ ngữ trong những câu này chỉ ngôi thứ nhất.

Tất cả các câu thuộc nhóm vừa nêu cũng như những câu trần thuật khác được xếp vào cùng một kiểu câu không phải vì giống nhau ở chức năng (các câu trần thuật có chức năng rất khác nhau), mà giống nhau ở đặc điểm hình thức : không có những yếu tố ngôn ngữ đặc trưng của những kiểu câu khác (câu nghi vấn, câu cầu khiến và câu cảm thán).

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Tìm hiểu đặc điểm hình thức và chức năng của câu trần thuật.

1. Trước hết, GV yêu cầu HS quan sát và cho biết các câu được dẫn trong SGK có dấu hiệu hình thức đặc trưng như những kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán hay không.

Câu trả lời là : Chỉ có câu "*Ôi Tào Khê !*" có đặc điểm hình thức của câu cảm thán, còn tất cả những câu khác thì không. Những câu còn lại ở mục I. ta gọi là câu trần thuật.

Hỏi : Những câu này dùng để làm gì ?

Trong (a), các câu trần thuật dùng để trình bày suy nghĩ của người viết về truyền thống của dân tộc ta (câu thứ nhất và câu thứ hai) và yêu cầu "*Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc...*" (câu thứ ba).

Trong (b), các câu trần thuật dùng để kể (câu thứ nhất) và thông báo (câu thứ hai).

Trong (c), các câu trần thuật dùng để miêu tả hình thức của một người đàn ông (Cai Tứ).

Trong (d), các câu trần thuật dùng để nhận định (câu thứ hai) và bộc lộ tình cảm, cảm xúc (câu thứ ba). Lưu ý câu thứ nhất của đoạn trích (d) không phải là câu trần thuật.

2. Hệ thống hoá kiến thức.

GV gọi một HS đọc phần *Ghi nhớ*.

Hỏi : Trong bốn kiểu câu (câu nghi vấn, câu cầu khiến, câu cảm thán và câu trần thuật), kiểu câu nào được dùng nhiều nhất ? Vì sao ?

Câu trần thuật là kiểu câu được dùng nhiều nhất. GV gợi ý HS tìm hiểu các chức năng chính của câu trần thuật (qua những dẫn chứng đã nêu và có thể thêm những dẫn chứng bổ sung). Phần lớn hoạt động giao tiếp của con người xoay quanh những chức năng đó. Ngoài ra, câu trần thuật còn có thể dùng để yêu cầu, đề nghị (như câu trần thuật thứ ba trong đoạn trích phần I.a) hay bộc lộ tình cảm, cảm xúc,... (như câu trần thuật thứ hai trong đoạn trích phần I.d). Nghĩa là gần như tất cả các mục đích giao tiếp khác nhau đều có thể được thực hiện bằng câu trần thuật.

Hoạt động 2. Hướng dẫn làm bài tập.

IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Bài tập 1. Xác định các kiểu câu.

a) Cả ba câu đều là câu trần thuật. Câu (1) dùng để kể, còn câu (2) và (3) dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của Dế Mèn đối với cái chết của Dế Choắt.

b) Câu (1) : câu trần thuật dùng để kể. Câu (2) : câu cảm thán (được đánh dấu bằng từ *quá*) dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc. Câu (3) và (4) : câu trần thuật, bộc lộ tình cảm, cảm xúc : cảm ơn.

Bài tập 2. Câu thứ hai trong phần dịch nghĩa bài thơ *Ngắm trăng* của Hồ Chí Minh là một câu nghi vấn (giống với kiểu câu của câu trong nguyên tác bằng chữ Hán : "*Đôi thử lương tiêu nại nhược hà ?*"), trong khi câu tương ứng trong phần dịch thơ là một câu trần thuật. Hai câu này tuy khác nhau về kiểu câu nhưng cùng diễn đạt một ý nghĩa : đêm trăng đẹp gây sự xúc động mãnh liệt cho nhà thơ, khiến nhà thơ muốn làm một điều gì đó.

Bài tập 3. Xác định các kiểu câu và chức năng.

a) Câu cầu khiến.

b) Câu nghi vấn.

c) Câu trần thuật.

Cả ba câu đều dùng để cầu khiến (có chức năng giống nhau).

Câu (b) và (c) thể hiện ý cầu khiến (đề nghị) nhẹ nhàng, nhã nhặn và lịch sự hơn câu (a).

Bài tập 4. Tất cả các câu trong phần này đều là câu trần thuật, trong đó câu ở (a) và câu được dẫn lại trong (b) (*Em muốn cả anh cùng đi nhận giải.*) được dùng để cầu khiến (yêu cầu người khác thực hiện một hành động nhất định). Còn câu thứ nhất trong (b) được dùng để kể.

Bài tập 5. Đặt câu trần thuật dùng để hứa hẹn, xin lỗi, cảm ơn, chúc mừng, cam đoan.

Mẫu : xem mục II. 2 ở trên.

Bài tập 6. Bài tập sáng tạo. GV có thể gợi ý HS viết một đoạn đối thoại giữa GV và HS, giữa bác sĩ và bệnh nhân, giữa người mua hàng và người bán hàng,...

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Sđd.